Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 04/04/2023 10:47:28

Phụ lục III

CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH PAPI**	**6,00**			
1	**Triển khai thực hiện kế hoạch PAPI**	**2,00**			
1,1	**Ban hành kế hoạch PAPI**	1,00			Kế hoạch ban hành
	Có ban hành Kế hoạch; Nội dung đảm bảo đầy đủ các trục nội dung, có phân công trách nhiệm, thời gian hoàn thành nhiệm vụ: 1				
	Không ban hành: 0				
1,2	**Mức độ hoàn thành kế hoạch PAPI**	1,00			Báo cáo PAPI năm; bảng thống kê số nhiệm vụ hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch PAPI năm; Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ kế hoạch: 1				
	Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ kế hoạch: 0				
2	**Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ**	**1,00**			Các báo cáo định kỳ PAPI
	Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về PAPI: 1				
	Không thực hiện chế độ báo cáo: 0				
3	**Công tác tuyên truyền PAPI**	**3,00**			
3,1	**Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền PAPI**	1,00			Kế hoạch tuyên truyền, báo cáo kết quả
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ kế hoạch đề ra: 1				
	Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ kế hoạch đề ra: 0				
3,2	**Thực hiện các hình thức tuyên truyền PAPI**	1,00			Các công văn triển khai; tài liệu kiểm chứng khác (đường link tin bài, lịch phát sóng, tờ rơi...).
	Thực hiện từ 2 hình thức trở lên: 1				
	Có 1 hình thức: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
3,3	**Tham gia các lớp tập huấn về PAPI theo kế hoạch tỉnh, huyện tổ chức**	1,00			

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Số lượng người tham gia 100%: 1				
	Số lượng người tham gia dưới 100%: 0				
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO TRỤC NỘI DUNG**	**54,00**			
1	**Tham gia của người dân ở cấp cơ sở**	**7,00**			
1,1	**Tri thức công dân về tham gia bầu cử**	1,00			
1.1.1	Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của tỉnh, của cấp huyện về bầu cử; Quy chế tổ chức và hoạt động thôn, tổ dân phố và các văn bản có liên quan đến công tác bầu cử các chức danh theo quy định.	0,50			Các kế hoạch, công văn, hướng dẫn, văn bản triển khai công tác bầu cử của cấp xã
	Có thực hiện đầy đủ:0.5				
	Không thực hiện: 0				
1.1.2	Thực hiện tuyên truyền đến người dân về thông tin, vị trí các chức danh lãnh đạo tại địa phương	0,50			Đài phát thanh, trang Website: Bài viết, lịch phát sóng, địa chỉ trang website, số buổi phát sóng, hình ảnh, video…
	Thực hiện đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5				
	Không thực hiện tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: 0				
1,2	**Cơ hội tham gia bầu cử**	**3,00**			
1.2.1	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tham gia vào tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể	0,50			Các Quyết định, phê chuẩn, thông báo... về danh sách người tham gia
	Từ 50% trở lên: 0.5				
	Từ 30% đến dưới 50%: 0.25				
	Dưới 30%: 0				
1.2.2	Tỷ lệ người dân tham gia các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập	0,50			Danh sách các hội viên có xác nhận của người đứng đầu tổ chức xã hội; trưởng nhóm, hội…
	Từ 50% trở lên: 0.5				
	Từ 30% đến dưới 50%: 0.25				
	Dưới 30%: 0				
1.2.3	Tỷ lệ cử tri của xã tham gia bầu cử đại biểu HĐND các cấp lần gần nhất	0,50			Báo cáo thống kê bầu cử của xã; biên bản xác nhận tổng hợp số lượng cử tri đi bầu….
	Từ 95% trở lên: 0.5				
	Từ 90% đến dưới 95%: 0.25				
	Dưới 90%: 0				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
1.2.4	Tỷ lệ cử tri của cấp xã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần nhất	0,50			Báo cáo thống kê bầu cử của cấp huyện, cấp xã; biên bản xác nhận tổng hợp số lượng cử tri đi bầu….
	Từ 95% trở lên: 0.5				
	Từ 90% đến dưới 95%: 0.25				
	Dưới 90%: 0				
1.2.5	Thực hiện phát trực tiếp các kỳ họp HĐND cấp xã qua hệ thống truyền thanh	0,50			Kế hoạch các kì họp (có thông tin đến nội dung phát kỳ họp qua đài truyền thanh xã) hoặc chương trình của đài truyền thanh liên quan đến các kỳ họp.
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
1.2.6	Tỷ lệ trung bình cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đã tham gia bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố lần gần nhất	0,50			Báo cáo hoặc Biên bản xác nhận tổng hợp số lượng cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đi bầu trưởng thôn,tổ trưởng tổ dân phố….
	Từ 95% trở lên: 0.5				
	Từ 90% đến dưới 95%: 0.25				
	Dưới 90%: 0				
1,3	**Chất lượng bầu cử và tham gia bầu cử**	**2,00**			
1.3.1	Niêm yết công khai kết quả bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố	0,50			Báo cáo, hình ảnh niêm yết, địa chỉ đường link…
	Niêm yết kết quả tại trụ sở UBND cấp xã: 0.25				
	Niêm yết kết quả tại nhà văn hóa cấp xã: 0.25				
1.3.2	Đơn thư khiếu nại về quá trình bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố	0,50			Báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện (nếu có) và các kết luận liên quan đến sai phạm
	Không có đơn thư khiếu nại: 0.5				
	Đơn thư khiếu nại có kết luận không sai phạm: 0.25				
	Đơn thư khiếu nại có kết luận sai phạm: 0				
1.3.3	Tỷ lệ trung bình phiếu bầu hợp lệ cho người được trúng cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố	0,50			Báo cáo về thống kê kết quả bầu cử của cấp xã; biên bản bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố
	Từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
1.3.4	Tỷ lệ trung bình Trưởng thôn, Tổ trưởng TDP trúng cử ở lần bầu cử thứ nhất	0,50			Báo cáo của cấp xã, biên bản hoặc các văn bản có liên quan đến số lần bầu cử, kết quả bầu cử
	Từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				
1,4	**Tỷ lệ người dân tham gia ý kiến về quyết định các công trình công cộng**	**1,00**			Báo cáo, biên bản tiếp thu các ý kiến tham gia của người dân về các công trình công cộng…
	Từ 80% trở lên: 1				
	Từ 50% đến dưới 80% : 0.5				
	Dưới 50%: 0				
2	**Công khai, minh bạch**	**9,00**			
2,1	**Tiếp cận thông tin**	3,00			
2.1.1	Triển khai thực hiện: nghị quyết, quyết định là văn bản QPPL có quy định chính sách đến người dân, các kế hoạch, chương trình, đề án, công văn về chính sách, pháp luật do tỉnh, huyện triển khai	1,00			Các Kế hoạch triển khai, công văn, hướng dẫn, quyết định, nghị quyết cần triển khai…
	Có thực hiện: 1				
	Không thực hiện: 0				
2.1.2	Thực hiện tuyên truyền các chính sách pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng	1,00			Bài viết, lịch phát sóng, địa chỉ trang website, số buổi phát sóng, hình ảnh, video…
	Thực hiện đầy đủ trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng: 1				
	Có thực hiện trên một số các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5				
	Không thực hiện tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: 0				
2.1.3	Thực hiện tuyên truyền các chính sách, pháp luật thông qua các hình thức khác	1,00			Kế hoạch, công văn, giấy mời, đề cương, bản tin, pa-nô, áp-phích, tờ gấp, tờ rơi…
	Thực hiện bằng nhiều hình thức: 1				
	Thực hiện dưới 02 hình thức: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
2,2	**Công khai minh bạch danh sách hộ nghèo**	**2,00**			
2.2.1	Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát	1,00			Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	100% các thôn/tổ dân phố có tổ chức họp; từ 70% hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình cần rà soát và từ 20% hộ gia đình khác trở lên trên địa bàn cấp xã tham dự họp (Mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên gia đình đại diện tham dự họp): 1				
	100% các thôn/tổ dân phố có tổ chức họp; từ 50% hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình cần rà soát và từ 10% đến dưới 20% hộ gia đình khác trở lên trên địa bàn cấp xã tham dự họp (Mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên gia đình đại diện tham dự họp): 0,5				
	Các thôn/tổ dân phố không tổ chức họp hoặc Có tổ chức họp nhưng dưới 100% hoặc 100% thôn/tổ dân phố có tổ chức họp nhưng trong đó: có dưới 50% hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình cần rà soát hoặc dưới 10% hộ gia đình khác trên địa bàn cấp xã tham dự họp (Mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên gia đình đại diện tham dự họp): 0				
2.2.2	Thực hiện niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo	1,00			Biên bản hoặc thông báo niêm yết công khai tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo danh sách hộ nghèo sau khi họp dân để thống nhất kết quả rà soát (nêu rõ thời gian niêm yết) hoặc xác nhận thông báo công khai danh sách hộ nghèo của đài truyền thanh cấp xã.
	Có thực hiện niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo theo đúng quy định (thời gian, nội dung niêm yết/thông báo…):1				
	Có thực hiện niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo nhưng có nội dung chưa đảm bảo theo đúng quy định (thời gian, nội dung niêm yết/thông báo…): 0,5				
	Không thực hiện hoặc Có thực hiện niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo nhưng không đúng theo quy định (thời gian, nội dung niêm yết/thông báo…): 0				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
2,3	**Công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã/phường/thị trấn theo quy định tại TT 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính**	**2,00**			Các quyết định công khai; Hình ảnh niêm yết hoặc CD phát trên hệ thống truyền thanh của xã; Văn bản thông báo cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn
	Công khai đầy đủ các nội dung: 2				
	Đã công khai nhưng chưa đầy đủ các nội dung: 1				
	Không công khai: 0				
2,4	**Công khai minh bạch Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng**	**2,00**			
	Thực hiện công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã tại trụ sở cơ quan UBND cấp xã: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, đường link; tài liệu khác (nếu có)
	Niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi khi thực hiện các dự án thu hồi đất tại địa phương: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, tài liệu khác (nếu có)
	Các xã, phường, thị trấn sử dụng các phương tiện truyền thông để thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi khi thực hiện các dự án thu hồi đất tại địa phương: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, tài liệu khác (nếu có)
	Kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, tài liệu khác (nếu có)
3	**Trách nhiệm giải trình với người dân**	**5,00**			
3,1	**Ban hành quy chế hoạt động, công khai nội quy, lịch tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân, trên Trang Thông tin điện tử của địa phương**	1,00			Văn bản ban hành, hình ảnh, đường link,...
	Có ban hành, công khai: 1				
	Không ban hành, công khai: 0				
3,2	**Thực hiện tổ chức tiếp công dân theo quy định**	2,00			Các văn bản quy định, hình ảnh,…
	Có thực hiện: 2				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Không thực hiện: 0				
3,3	**Tỷ lệ người dân đã được giải quyết khiến nghị, tố cáo, khiếu nại đúng quy định**	2,00			Báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại tố cáo
	Từ 90% đến 100%: 2				
	Từ 50% đến dưới 90%: 1				
	Dưới 50%: 0				
4	**Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**	**4,00**			
4,1	**Niêm yết công khai Bảng mức phí, lệ phí các khoản dịch vụ do cơ quan thuộc thẩm quyền cung ứng dịch vụ công**	1,00			Hình ảnh niêm yết, địa chỉ đường link
	Có niêm yết: 1				
	Không niêm yết: 0				
4,2	**Quyết tâm chống tham nhũng**	3,00			
4.2.1	Các biện pháp tuyên truyền về luật phòng chống tham nhũng	2,00			Các văn bản triển khai, liên quan
	Ban hành các văn bản tuyên truyền các quy định của Pháp luật về PCTN: 1				
	Tổ chức Hội nghị, cuộc thi tìm hiểu về công tác PCTN: 1				
	Không ban hành và không tổ chức: 0				
4.2.2	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	1,00			Báo cáo đánh giá chất lượng CBCC cuối năm; BC kết quả công tác thanh tra
	Không có trường hợp bị xử lý: 1				
	Có trường hợp bị xử lý: 0				
5	**Thủ tục hành chính công**	**6,00**			Kết quả Thủ tục hành chính công lấy từ kết quả đánh giá lĩnh vực Thủ tục hành chính trong Bộ Chỉ số CCHC do UBND tỉnh quy định
6	**Cung ứng dịch vụ công**	**10,00**			
6,1	**Dịch vụ y tế công lập**	**2,00**			
6.1.1	Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã và Trưởng thôn,tổ dân phố trong việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn.	0,25			Các văn bản phối hợp triển khai, tài liệu kiểm chứng khác

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Có thực hiện: 0.25				
	Không thực hiện: 0				
6.1.2	Tổ chức thực hiện các hoạt động về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh	0,25			Các văn bản triển khai
	Có thực hiện: 0.25				
	Không thực hiện: 0				
6.1.3	Kiểm tra, giám sát và triển khai các hoạt động về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã	0,50			Báo cáo, biên bản,…
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6.1.4	Tổ chức thực hiện cung cấp các thông tin liên quan đến bệnh, dịch; tiêm chủng; các vấn đề có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng và tuyên truyền biện pháp phòng, chống	0,50			Các văn bản triển khai
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6.1.5	Tuyên truyền về chính sách, lợi ích của BHYT	0,25			Phối hợp, tổ chức các hội nghị tuyên truyền
	Có thực hiện: 0.25				
	Không thực hiện: 0				
6.1.6	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	0,25			Báo cáo
	Từ 90% trở lên: 0.25				
	Đạt tỷ lệ dưới 90%: 0				
6,2	**Dịch vụ giáo dục công lập**	**2,00**			
6.2.1	Xây dựng trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực, không lạm thu, đặc biệt quan tâm vệ sinh an toàn thực phẩm trong bữa ăn của học sinh bán trú	0,25			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo kết quả triển khai…
	Có triển khai: 0.25				
	Không triển khai: 0				
6.2.2	Thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	0,25			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch, báo cáo,…
	Có triển khai: 0.25				
	Không triển khai: 0				
6.2.3	Tổ chức triển khai kế hoạch huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục trên địa bàn	0,25			Các văn bản triển khai
	Có triển khai: 0.25				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Không triển khai: 0				
6.2.4	Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân, các tổ chức xã hội về công tác xã hội hóa để huy động mọi nguồn lực phát triển giáo dục	0,50			Các văn bản triển khai, hình thức tuyên truyền,…
	Có tổ chức tuyên truyền: 0.5				
	Không tổ chức tuyên truyền: 0				
6.2.5	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).	0,25			Báo cáo,…
	Đạt từ 90% trở lên: 0.25				
	Dưới 90%: 0				
6.2.6	Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục tiểu học theo Quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT: 0.5	0,50			Kế hoạch, các văn bản triển khai
6,3	**Cơ sở hạ tầng căn bản**	4,00			
6.3.1	Triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển Giao thông, vận tải trên địa bàn được giao quản lý	0,50			Văn bản triển khai của địa phương
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
6.3.2	Triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển Giao thông nông thôn	1,00			Văn bản triển khai, báo cáo số liệu tham gia của người dân
	Có triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia: 1				
	Có triển khai các hoạt động vận động nhưng không thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia: 0.5				
	Không triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động các nguồn lực: 0				
6.3.3	Tỷ lệ các tuyến đường xã, liên xã được cứng hóa trải nhựa hoặc bê tông đáp ứng tiêu chí giao thông *(Đối với các phường không thực hiện xây dựng nông thôn mới đạt điểm 0,5)*	0,50			Báo cáo chi tiết từng tuyến
	Đạt từ 90% trở lên: 0.5				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%				
6.3.4	Các đường trong thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng cứng hóa đáp ứng tiêu chí giao thông *(Đối với các phường không thực hiện xây dựng nông thôn mới đạt điểm 0,5)*	0,50			Báo cáo chi tiết từng tuyến
	Đạt từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				
6.3.5	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN là nguồn nước ăn uống chính	1,00			Báo cáo 06 tháng, báo cáo tổng kết hàng năm Chương trình cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên
	Đạt từ 90% trở lên: 1				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.5				
	Dưới 80%: 0				
6.3.6	Ký thỏa thuận cấp nước theo đúng quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP	0,50			Thỏa thuận đã ký với các đơn vị cấp nước
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6,4	**An ninh, trật tự khu dân cư**	**2,00**			
6.4.1	Trên địa bàn để xảy ra tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, phức tạp	0,50			Báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện và báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Không có: 0.5				
	Có xảy ra: 0				
6.4.2	Phát sinh tội phạm có tổ chức, hình thành các điểm phức tạp về trật tự	0,50			Báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện và báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Không phát sinh tội phạm có tổ chức hoặc địa điểm phức tạp về trật tự: 0.5				
	Có phát sinh tội phạm có tổ chức hoặc địa điểm phức tạp về trật tự: 0				
6.4.3	Số vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn	0,50			Báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện và báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Giảm so với năm trước liền kề: 0.5				
	Không giảm so với năm trước liền kề: 0				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
6.4.4	Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	0,25			Báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện và báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Không có vụ cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng: 0.25				
	Để xảy ra cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng: 0				
6.4.5	Đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường	0,25			Báo cáo của UBND cấp xã, cấp huyện và báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Không có vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng: 0.25				
	Xảy ra vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng: 0				
7	**Quản trị môi trường**	**7,00**			
7,1	***Quán triệt, triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ mội trường tại địa phương***	1,00			Các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ môi trường, triển khai các văn bản của trung ương, của tỉnh về bảo vệ môi trường
	Có triển khai thực hiện: 1				
	Không triển khai thực hiện: 0				
7,2	***Tuyên truyền về bảo vệ môi trường***	2,00			
	Tham gia các lớp tuyên truyền, tập huấn về BVMT, phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, chống rác thải nhựa: 0.5				Các văn bản kiểm chứng
	Tuyên truyền về BVMT trên hệ thống phát thanh, pano tuyên truyền, các hình thức khác; xây dựng, triển khai, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả tại đại phương: 0.5				Các văn bản kiểm chứng
	Thành lập tổ/cử cán bộ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, kiểm tra công tác phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình trên địa bàn: 0.5				Các văn bản kiểm chứng
	Ra quân dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác thải khu dân cư, nơi công cộng (định kỳ hàng tuần/ tháng): 0.5				Có văn bản và tài liệu kiểm chứng khác
7,3	***Việc thu, thoát nước thải; thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt***	3,00			Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Khu dân cư có hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo tiêu thoát nước tốt, không ứ đọng nước thải ô nhiễm môi trường; các rãnh thu thoát nước qua khu dân cư có nắp đậy, hố gas: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Có quy hoạch vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Bãi chôn lấp rác thải, điểm tập kết rác thải đảm bảo vệ sinh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Thành lập tổ vệ sinh môi trường, hợp tác xã dịch vụ môi trường hoặc tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải tại 100% số thôn, khu dân cư: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Không có rác thải tồn đọng, vứt rác thải bừa bãi tại khu dân cư, đường làng, ngõ xóm, đường ra đồng, sông, kênh, mương, khu vực công cộng; không có tình trạng đốt rác thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Có bố trí ngân sách địa phương cho công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn; thu phí, giá thu gom, vận chuyển rác thải của người dân, tổ chức đạt trên 90%: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
7,4	**Tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh; việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý**	1,00			Kế hoạch, biên bản,…
	Có tổ chức kiểm tra: 1				
	Không tổ chức kiểm tra: 0				
8	**Quản trị điện tử**	**6,00**			Kết quả Quản trị điện tử lấy từ kết quả đánh giá lĩnh vực Xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử và chính quyền số trong Bộ Chỉ số CCHC do UBND tỉnh quy định
III	**Ý kiến phản ảnh của cơ quan truyền thông đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công**	**10,00**			Bài đăng, hình ảnh, đường link
	Không có ý kiến phản ành: 10				
	Có từ 1 đến 5 ý kiến phản ánh đối với lĩnh vực được giao triển khai thực hiện: 5				

Stt	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
	Có từ 5 ý kiến phàn ánh trở lên đối với lĩnh vực được giao triển khai thực hiện: 0				
IV	**Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh**	**30,00**			Nội dung đánh giá qua phiếu khảo sát trực tiếp
Tổng		**100,00**			